

## SỰ TIẾP NHẬN THI HỌC NHO GIA TRONG VIỆT ÂM THI TẬP - BỘ THI TUYỂN CHỮ HÁN ĐẦU TIÊN CỦA VIỆT NAM

I PHẠM VĂN DUNG

Email: pvdunghn77@gmail.com

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

### THE RECEPTION OF NHI GIA'S POETRY IN VIETNAMESE PHONICS POETRY COLLECTION - THE FIRST COLLECTION OF POEMS IN CHINESE CHARACTERS

#### TÓM TẮT

#### ABSTRACT



Việt âm thi tập 越音詩集 là bộ thi tuyển chữ Hán đầu tiên của Việt Nam, biên soạn trong gần 30 năm thuộc khoảng nửa đầu thế kỉ XV, được triều đình ban sắc cho khắc in. Bên cạnh những nhận thức, định hướng mang tính “bản quốc” về nền thi học nước nhà đương thời, Việt âm thi tập cũng thể hiện sự ảnh hưởng, tiếp nhận thi học Nho gia sâu sắc. Điều đó được thể hiện rõ nhất qua những phát biểu hiện ngôn của những đồng biên tập trong các bài tựa, biểu dâng sách lên vua. Bài viết tập trung phân tích hai bài tựa của người khởi soạn sách (Phan Phu Tiên 潘夫先), người phê điểm, hiệu chính (Nguyễn Tấn 阮晉) và bài biểu dâng sách của người tục biên (Chu Xa 朱車) để làm rõ sự tiếp nhận thi học Nho gia cả về phương diện tư tưởng thi học và hình thức thể loại, đặc trưng phong cách, theo sát sự phát triển của lịch sử thi học Trung Quốc. Đây cũng là bộ thi tuyển chứa đựng những tư tưởng thi học đặt nền móng cho nền thi học Việt Nam về sau.

**Từ khóa:** Việt âm thi tập, Thi học Nho gia, Thi tuyển chữ Hán, Phan Phu Tiên, Chu Xa, Nguyễn Tấn

Việt âm thi tập (越音詩集) is the first Anthology of Poems written in Chinese characters of Vietnam, compiled within 30 years in the first half of the 15th century, that was granted by the King's ordinance to permit of engraving and printing as book for circulation. Besides the "local native" awareness and orientation of the national poetry at contemporary, Việt âm thi tập (越音詩集) was also presented deeply the influence and receiving from the Confucian poetry, which is showed clearly in the statement of the co-editors in the prefaces, petitions to submit to the King. The thesis has concentrated in analyzing the 02 prefaces of the first editor (Phan Phu Tiên 潘夫先), the marker and reviser (Nguyễn Tấn 阮晉), the petition of offering books by “tục thái” (Chu Xa 朱車), by which to clarify the receiving of Confucian poetry both in term of poetry ideas and forms, genre as well as the specific characteristics, that closed with the development of the Chinese poetry history. This Anthology contained poetry ideas that founded the basis for the Vietnam poetry afterwards.

**Keywords:** Việt âm thi tập (越音詩集), Confucian poetry, Poems written in Chinese characters, Phan Phu Tien, Chu Xa, Nguyen Tan

## EDUCATION

### 1. Đặt vấn đề

Việt âm thi tập 越音詩集 ra đời cách đây đã gần 6 thế kỉ, không chỉ với tư cách bộ thi tuyển chữ Hán đầu tiên của Việt Nam mà còn mang tầm cỡ thi tuyển quốc gia được triều đình xét duyệt, vua ban sắc san hành. Trong số các văn bản hiện khảo được, bài viết chọn văn bản kí hiệu A.1925 hiện lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, là bản được khắc in lại vào năm Kỷ Dậu, niên hiệu Bảo Thái thứ 10 (1729) làm đối tượng khảo sát chính. Đây là văn bản đã lưu giữ được hai bài đề tựa của người khởi soạn sách, người phê điểm, hiệu chính và bài biểu dâng sách lên vua của người có công tục biên, hoàn thiện sách.

Công khởi soạn Việt âm thi tập thuộc về Phan Phu Tiên<sup>1</sup>, quan Đồng tu sử, người làm việc ở Quốc sử quán triều Lê. Năm 1433, Phan Phu Tiên đã hoàn thành bản thảo, viết lời đề tựa, sách chuẩn bị đem khắc in thì ông phải đi làm quan tỉnh ngoài nên việc chưa xong. Năm 1446, quan Thị Ngự sử đài là Chu Xa<sup>2</sup> cho rằng sách chưa đầy đủ nên đã tiếp tục lựa chọn thơ, biên thành sách với quy mô 6 quyển, lại nhờ quan Kinh diên, Hàn lâm viện học sĩ Nguyễn Tấn<sup>3</sup> phê điểm, sau đó Chu Xa lại viết biểu dâng sách lên vua. Sau khi hiệu đính, phê điểm, Nguyễn Tấn cũng viết lời đề tựa cho lần in sách đầu tiên vào năm 1459. Bên cạnh việc phản ánh thực tại thơ ca nước nhà, các tiêu chí tuyển chọn thơ ca, các bài tựa, biểu của các đồng biên tập này đều bày tỏ quan điểm thi học của mình mà cơ sở xuất phát đều là sự tiếp nhận thi học Nho gia<sup>4</sup>. Bài viết tập trung phân tích về quan điểm thi học của các đồng biên tập từ phương diện tiếp nhận thi học Nho gia.

### 2. Sự thống nhất trong việc tiếp nhận thi học Nho gia của người khởi soạn và người “tục thái”<sup>5</sup>

Mở đầu bài tựa cho Việt âm thi tập đề tháng Tám năm Quý Sửu, Thuận Thiên thứ nhất (1433), Phan Phu Tiên đã viết như sau:

“Tâm có chỗ hướng đến, ắt thể hiện ở lời nói, cho nên, thơ đề nói chí vậy. Lời xướng họa của vua tôi đời Đường Ngu, câu ca dao trong dân gian thời Liệt quốc, dấu vết trĩ loạn của nó không giống nhau, nhưng cảm xúc phát ra trong lòng thì là một. Đến đời Hán, Đường, Tống nổi danh bởi thi học, dấu có (tài tô vẽ) hình bóng trăng sương, khéo miêu tả dáng vẻ mây gió [...]. (Qua đó), xem sự thịnh - suy mà biết được lẽ được - mất” [3, tr.5].

Trong biểu dâng Việt âm thi tập sau khi đã “tục thái”, Chu Xa viết:

“Cúi nghĩ, triều Ngu thịnh trị hết mức, biện rõ trăm họ ắt có gốc bởi phép canh ca, thời Liệt quốc xem xét phong tục, khéo khen - chê (quan phong, mỹ thích) đều lộ ở lời phúng vịnh. Sau từ đời Hán, Đường, tới khoảng Tống, Nguyên, danh nho tài sĩ có thể giúp thời rạng nước, tao nhân mặc khách há chỉ đùa giỡn

ghẹo trăng? Dẫu nói “cái mà chí hướng đến thì thể hiện ở ngoài lời ngâm vịnh” cũng là việc bắt đầu từ chính sự thì phát ra làm bài ca dao dân tục. Kinh văn các đời, lớp lớp có thể khảo, giai tác các nhà, đời đời truyền nhau” [3, tr.18 – 19].

Hai trích đoạn thuộc phần đầu bài tựa và bài biểu đều đề cập đến khái niệm thi học cổ đại của Trung Hoa, thể hiện nhận thức về đặc trưng bản chất của thơ ca: “Thi ngôn chí” (Thơ nói chí). Khái niệm này đã sớm xuất hiện trong câu nói ở Thuận điển. Thượng thư: “Thi ngôn chí, ca vịnh ngôn, thanh y vịnh, luật hòa thanh” (Thơ nói chí, ca vịnh lời, thanh âm theo lời ngâm vịnh, luật hòa với thanh). Đây được coi là “cương lĩnh mở đầu” cho thi luận truyền thống Nho gia và có ảnh hưởng sâu sắc không chỉ với thi học Trung Hoa mà với cả thi học chữ Hán ở những quốc gia thuộc vùng ảnh hưởng, trong đó có Việt Nam. Có thể thấy, dường như câu mở đầu bài tựa của Phan Phu Tiên (Tâm có chỗ hướng đến, ắt thể hiện ở lời nói, cho nên, thơ đề nói chí vậy) hay câu khái quát của Chu Xa (Dẫu nói “cái mà chí hướng đến thì thể hiện ở ngoài lời ngâm vịnh” cũng là việc bắt đầu từ chính sự thì phát ra làm bài ca dao dân tục) là sự thu tóm tinh thần từ một câu trong Thi đại tự: “Thơ là chỗ chí hướng tới, ở tâm là chí, phát ra thành lời là thơ, tình động ở trong, mà thể hiện ở lời”. Cả Phan Phu Tiên và Chu Xa đều diễn giải cho thuyết “thi dĩ ngôn chí” đó bởi Đường Ngu với “quân thần xướng họa”, với “trí trị bình chương”, “bản ư canh ca”; đều nhắc đến Liệt quốc với “dân tục ca dao”, “quan phong mỹ thích”; nhắc đến Hán, Đường, Tống, Nguyên với “nguyệt lộ, phong vân”. Đó là thơ ca cổ điển chữ Hán đã được kinh điển hóa từ Kinh Thư (chủ yếu là Ngu Thư), Kinh Thi và thơ ca lịch đại Hán, Đường, Tống, Nguyên.

Có thể thấy thi học cổ điển được kinh điển hóa từ Kinh Thư và Kinh Thi qua sự diễn giải như sau:

“Đường Ngu”, “Ngu triều” để chỉ hai triều vua Nghiêu, vua Thuấn. “Quân thần xướng họa”, “trí trị bình chương tất bản ư canh ca” để chỉ cảnh vua tôi hòa hợp, đời đạt được nền trị bình hết mức. Khung cảnh ấy được thể hiện trong Ngu thư với những Nghiêu điển, Thuấn điển, Đại Vũ mô, Cao Dao mô, Ích Tắc của Thư, bộ tổng tập ghi lại lời bàn trị nước của những vua – tôi mẫu mực thời cổ, một tập hợp các văn kiện chính lệnh của nhà nước Trung Hoa cổ đại.

“Liệt quốc” chỉ các nước chư hầu của nhà Chu. Sau khi Chu Vũ Vương diệt nhà Thương, giết vua Trụ, đã phân phong ruộng ấp cho những người trong họ tộc của mình cùng những người có công trong việc diệt vua Trụ. Họ trở thành chư hầu, bảo vệ cho nhà Chu, theo hiệu lệnh của nhà Chu. Những câu ca dao trong dân gian thời Liệt quốc có thể tìm thấy trong Thi, bộ tuyển tập thơ ca đầu tiên của Trung Quốc với những

## EDUCATION

Phong, Nhã, Tụng. Nhã, Tụng phần lớn là thơ của tầng lớp quý tộc xuất phát từ những bài hát nơi tôn miếu, triều đình. Phong gồm ca dao dân ca của 15 nước. Bắt đầu từ đời Chu, nhà nước đặt ra chức Nhạc quan phụ trách việc sưu tầm ca dao dân gian, nhằm qua đó mà quan sát dân phong quốc tình. Thơ đã trở thành phương tiện để bày tỏ nỗi niềm của người dân. Thơ cũng là bức tranh phôi bày hiệu quả trị nước của mỗi triều đại qua “dấu vết trị - loạn” của mỗi thời. Người ta có thể tìm thấy những giá trị tư liệu về văn hóa phong tục ở mỗi thời, mỗi vùng miền, nhưng rõ ràng là thơ đã ghi dấu ấn về mối quan hệ tương tác hai chiều giữa những người điều hành đất nước và nhân dân. Kết quả của việc trị nước được phôi bày qua tiếng nói của người dân trong thơ. Người trên muốn thấu tỏ dân tình nên cần phải “thái thi” (lựa chọn thơ) để quan sát dân phong quốc tình, qua đó mà chỉnh sửa chính sự. Thời Xuân Thu, trong hoạt động quốc sự, trong hoạt động giao tế giữa các nước chư hầu, phương thức “tá thi trần ngôn” đã trở thành đặc điểm nổi bật thể hiện rõ tầm quan trọng của thơ trong hoạt động chính trị. “Trần Thi quan phong” trở thành một trong những điểm trọng yếu nhất trong nhận thức về cơ chế hình thành Thi cũng như tác dụng và chức năng của Thi trong lịch sử văn minh chính trị văn hóa Đông Á khi xưa.

Biểu của Chu Xa còn đề cập đến những khái niệm “quan phong”, “mĩ thích”, “phúng vịnh”, chúng vốn là các yếu tố trong hệ thống khái niệm thi học cổ của Nho gia. Theo Trung Quốc thi học đại từ điển, “quan phong” là khái niệm thi học cổ đại có địa vị quan trọng trong truyền thống văn luận cổ đại. Nó mang hàm ý thông qua các tác phẩm văn nghệ thơ ca có thể thể nghiệm, quan sát, tìm hiểu thể sự, dân tình và diện mạo phong tục. Khổng tử nói: “Thi khả dĩ hưng, khả dĩ quan, khả dĩ quân, khả dĩ oán” (Thi có thể khiến người ta hưng khởi, có thể khiến người ta quan sát, có thể khiến người ta hợp quần, có thể khiến người ta oán giận) [Luận Dương Hóa]. Ở đây, “quan” chỉ Thi có đủ tác dụng giúp nhận thức phong tục dân gian, tức cái mà Trịnh Huyền gọi là “quan phong tục chi thịnh suy” (xem xét sự thịnh suy của phong tục). Quan điểm này có ảnh hưởng rất lớn ở đương thời và sau đó. Thời xưa có quan Thái thi, người làm việc sưu tầm ca dao dân gian để quan sát sự tình trong dân, đó vừa là cơ sở của quan niệm “quan phong” vừa có sức tăng cường sự lưu diễn quan niệm quan phong. Lê ký. Vương chế: “Mệnh Thái sư trần thi dĩ quan dân phong” (Lệnh cho Thái sư phô bày thơ để xem xét phong tục của dân). Nhưng “quan phong” ngoài phương diện xem xét “phong tục”, thường còn bao hàm ý nghĩa xem xét thể vận, xem xét sự hưng suy của quốc gia, tức cái mà Ban Cố gọi là “cổ hữu Thái thi chi quan, vương giả sở dĩ quan phong tục, tri đắc thất, tự khảo chính dã” (xưa có quan Thái thi, bậc vương giả nhờ đó xem

phong tục, biết lẽ được - mất, tự khảo xét sự đúng đắn vậy). [4, tr.48-49].

Cũng bộ từ điển trên cho rằng, thuyết “mĩ thích” trở thành khái niệm lý luận hệ thống là bởi Hán Nho, nhưng truy nguyên thì đã có dấu vết từ thời Tiên Tần, qua Kinh Thi, với việc vận dụng vũ khí thơ ca để phúng thích và phê phán hiện tượng bất bình trong xã hội. [4, tr. 95].

Phúng vịnh cũng gần gũi với “phúng dụ”, một khái niệm mĩ học có liên quan đến thi học. Nội hàm chủ yếu của nó đã khái quát hoạt động sáng tác lấy văn nghệ làm thủ pháp, nhằm can dự chính trị, phê phán hiện thực một cách khéo léo, và từ đây mà sản sinh công năng xã hội của tác phẩm văn học. [4, tr.95-96] Theo cách diễn đạt của Chu Xa, “phúng vịnh” chính là hình thức thể hiện cho “quan phong, mĩ thích” thời Liệt quốc (Liệt quốc quan phong, mĩ thích giai hình ư phúng vịnh).

Không chỉ lấy thi học cổ điển làm cơ sở cho sự nhận thức về thơ mà các đồng biên tập Việt âm thi tập còn theo sát với diễn tiến của lịch sử thi học Trung Quốc, đó là sự chuyển đổi sang thi học lịch đại.

Về thi học lịch đại, Phan Phu Tiên diễn đạt trong tựa của mình như sau: “Đến đời Hán, Đường, Tống nổi danh bởi thi học, đều có (tài tổ về) hình bóng trăng sương, khéo miêu tả đáng vẽ mây gió □□□□ (Qua đó) xem sự thịnh - suy mà biết được lẽ được - mất” [3, tr.5].

Còn với Chu Xa là: “Sau từ đời Hán, Đường, tới khoảng Tống, Nguyên, danh nho tài sĩ có thể giúp thời rạng nước, tao nhân mặc khách há chỉ đùa gió gheo trắng?» [3, tr.18-19].

Từ hai trích đoạn trên chúng ta thấy, nếu so với thi học cổ điển, ở đây, thi học lịch đại đã có những bước tiến về phương diện chủ thể sáng tạo thơ ca cũng như về đối tượng và cách thức diễn tả. Nếu thi học cổ điển chủ yếu là “quân - thần” thì thi học lịch đại là những người dùng “thi học để trở nên nổi tiếng”, là “danh nho tài sĩ”, là “mặc khách tao nhân”. Nếu thi học cổ điển là ca dao nơi xóm ngõ (Phong) hay lời nhạc ca nơi triều đình giao miếu (Nhã và Tụng) thì thi học lịch đại dần trở thành sản phẩm có tính chuyên nghiệp, là sản phẩm mang trong mình thuộc tính nghệ thuật hơn với mặc khách tao nhân có tài “đùa gió gheo trắng”. Đối tượng phản ánh thiên về các hiện tượng thiên nhiên mang tính chất biểu tượng như “mây, gió, trăng, hoa, tuyết, núi, sông”. Tính chuyên nghiệp và tính nghệ thuật hơn của thi học được thể hiện ở nhiều phương diện mà trước hết cần phải kể đến là tính vận luật, thi hứng cũng như các đối tượng hướng vào.

## EDUCATION

Tuy có sự đi lên theo hướng chuyên nghiệp như thế nhưng thi học cổ điển và thi học lịch đại vẫn thống nhất nhau ở chỗ, thơ vẫn là “cảm phát ở tâm tắc nhất” (cảm phát ở tâm thì thống nhất); thơ vẫn là công cụ mà qua đó người ta có thể “quan thịnh suy nhi tri đắc thất” (xem thịnh suy mà biết lẽ được mất). Thơ là sự chuyên tâm dân tình, là sự phản ánh thịnh - suy, lẽ mất - còn của triều đại, chế độ. Thơ phải gắn liền với chính sự của một quốc gia, sự tồn vong của triều đại, quốc gia đó.

Trong bài biểu của mình, Chu Xa còn nêu rõ tiêu chí tuyển chọn thơ ca của mình là : «Cho nên thân: không quan hèn kém, liều bỏ sức lựa chọn (thơ) thêm, phạm liên quan đến phong hóa, không dám sót quên” [3, tr.21]. Tiêu chí tuyển chọn thơ gắn liền với “phong hóa” là tiêu chí thể hiện rất rõ sự tiếp nhận thi học Nho gia của Chu Xa. Theo Trung Quốc thi học đại từ điển: Phong hóa là khái niệm văn luận có liên quan tới thi học. Tức hàm ý dùng văn nghệ giáo hóa thiên hạ, cũng gọi là “phong giáo”, là quan điểm quan trọng trong thi luận của Nho gia về công dụng của văn nghệ [4, tr.35].

Như vậy, cả Phan Phu Tiên và Chu Xa, người khởi soạn cũng như người tục biên đều thống nhất, tiếp nối nhau trong sự tiếp nhận thi học Nho gia làm cơ sở cho nhận thức thi học chữ Hán, cơ sở cho việc biên tập Việt âm thi tập, bộ thi tuyển đầu tiên của nước nhà.

### 3. Sự tiếp nhận thi học Nho gia trong bài đề tựa của người phê điểm – Nguyễn Tấn.

Nếu sự tiếp nhận thi học Nho gia của Phan Phu Tiên và Chu Xa chú trọng tới phương diện nội dung tư tưởng, thì tới Nguyễn Tấn, quan Kinh diên, Hàn lâm học sĩ, sự tiếp nhận đó lại nghiêng về phương diện hình thức nghệ thuật.

Bài tựa của Nguyễn Tấn có đoạn viết: “Tôi bảo rằng, đạo của thơ khó thay! Thơ luật chỉ có năm mươi sáu chữ, thơ tuyệt cú cũng có hai mươi tám chữ mà thể thú đủ cả ở đó. Muốn thơ cổ kính, thanh đạm thì lại gần với thơ; muốn phong phú, đẹp đẽ thì gần với màu mè; hào phóng thì sa vào buông thả; bình thản, thẳng thắn thì sa vào quê mùa. Bởi vậy, lời - ý giản dị, mạch lạc, thông suốt, chất phác mà không tục tằn, lạ mà không trúc trắc, trung hậu mà không có lời quê kệch, cao vút mà có khí ôn hòa, là rất khó đạt được. Cho nên không thể bó buộc bởi một lệ cũng không thể lựa chọn bởi một thể. Nay tập thơ này tuyển chọn những bài phẩm đã được yêu thích của các bậc tiền bối thì không nói lại nữa. Đến như sáng tác của các nhân sĩ đương thời, bài nào lựa được thì lựa, bài nào không lựa được thì bỏ. Nếu những bài nào ý tứ nhàn nhã, luật phép tề chỉnh thì cũng chọn vào, cơ hồ không phải có lời than bỏ sót mất hạt châu nơi biển cả, để đợi các bậc quân tử đời sau mới lựa chọn. Mong may mắn

không bị chê cười”[3, tr.9-10].

Mở đầu đoạn trích trên, Nguyễn Tấn nêu ra khái niệm “thi chi đạo” hay chính là “thi đạo”. Theo Trung Quốc thi học đại từ điển giải thích: “Thi đạo là khái niệm thi học cổ đại. Nội dung liên quan đến vấn đề bản chất hoặc qui luật nghệ thuật của sáng tác thơ ca.” [4, tr. 8]

Như vậy, có thể thấy, thi học mà Nguyễn Tấn đề cập tới ở đây thiên về phương diện nghệ thuật của thơ ca. Hai thể thơ được Nguyễn Tấn đề cao và dẫn ra ở đây là “luật thi” và “tuyệt cú”, trong giới hạn câu chữ nhất định mà chứa đựng đầy đủ “thể thú” của hai thể.

Ông cho rằng cái khó của “thi đạo” là: Muốn thơ cổ kính, thanh đạm thì lại gần với thơ; muốn phong phú, đẹp đẽ thì gần với màu mè; hào phóng thì sa vào buông thả; bình thản, thẳng thắn thì sa vào quê mùa”. Và như vậy, để thi phẩm có thể đạt tới độ “Lời, ý giản dị, mạch lạc, thông suốt, chất phác mà không tục tằn, lạ mà không trúc trắc, trung hậu mà không có lời quê kệch, cao vút mà có khí ôn hòa” là công việc vô cùng khó. Nhận xét này cũng thể hiện “thể thú” làm nên “thi chi đạo” thiên về đặc trưng thể loại, những yếu tố thủ pháp trong sử dụng ngôn từ nhằm thu được hiệu quả thẩm mỹ của một thi phẩm nghệ thuật.

Cũng cần phải nói thêm, trong đoạn bình luận trên, chúng ta còn thấy một loạt những chữ mà Nguyễn Tấn đã chọn dùng cũng đều xuất phát từ những khái niệm thẩm mỹ có liên quan đến thi học cổ Trung Hoa như: “thể”, “thú”, “tục”, “dã”, “hào phóng”, .... Những khái niệm đó đã được Trung Quốc thi học đại từ điển xây dựng thành những mục từ.

Từ những nhận thức về thi học chữ Hán nói chung trên phương diện lý luận, đối chiếu với thực tế thi ca nước nhà hay nói cách khác là thực tế thi học xét từ phương diện tuyển chọn, Nguyễn Tấn cho rằng: “không thể bó buộc bởi một lệ, cũng không thể dùng một thể mà lựa chọn”. Điều đó thể hiện sự vận dụng về thi học trong thực tế cần có sự linh hoạt, uyển chuyển, nhưng vẫn phải thỏa mãn yêu cầu “ý tứ nhàn nhã, pháp luật tề chỉnh” thiết yếu cần có, cũng tức là những yêu cầu về phương diện hình thức nghệ thuật. Yêu cầu ấy mang dáng dấp quan niệm về vẻ đẹp “trung hòa”, “ôn nhu đôn hậu” của thi học Nho gia truyền thống. Theo Trương Phạm trong Trung Hoa thi học đại từ điển: “Ôn nhu đôn hậu” là khái niệm thi học cổ đại, bắt đầu thấy ở thiên Kinh giải. Lễ ký, mượn lời Khổng tử rằng: “Vào nước nào, có thể biết giáo hóa của nước ấy. Có lẽ đó là người ôn nhu đôn hậu, là bởi “Thi” giáo vậy”. ”. Đời Hán là thời đại kinh học thống trị, tất cả văn hóa học thuật, không có gì không chịu ảnh hưởng của nó. Thi luận cũng vậy. Bàn luận trên vốn là lý luận của Hán Nho phân tích

## EDUCATION

“Thi” cổ (nay gọi là “Thi kinh”) từ góc độ kinh học, sau đó dần dần, từ chỉ riêng “Thi”, mở rộng ra chỉ thơ ca nói chung. Bàn về tư tưởng của nó thì có nguồn gốc sâu xa ở Nho gia Tiên Tần. Không từ bàn về “Thi”, sớm có lời bàn “tư vô tà”(nghĩ không xằng bậy) và “lạc nhi bất dâm, ai nhi bất thương”(vui mà không quá mức, buồn mà không bi thương), yêu cầu thi ca ôn lương bình hòa, thích trung hợp lễ. Từ đó Hán Nho căn cứ vào hình thể mới và yêu cầu mới của phong kiến đại thống nhất đời Hán, phát triển thêm một bước về thi luận của Khổng tử, xướng lập thuyết “thi giáo” của Nho gia, yêu cầu sáng tác và phê bình thơ ca phải phù hợp với nguyên tắc “ôn nhu đôn hậu”. “Ôn nhu đôn hậu” vừa là một qui phạm tư tưởng đặc thù vừa là một nguyên tắc nghệ thuật tích cực. [4, tr.4] Sự chú trọng về phương diện nghệ thuật của Nguyễn Tấn như là sự tiếp nối từ Phan Phu Tiên và Chu Xa, khiến cho việc tiếp nhận thi học Nho gia của các đồng biên tập Việt âm thi tập trở nên hoàn chỉnh, cân đối, hài hòa cho một bộ sưu tập những thi phẩm quốc gia.

### 4. Kết luận

Việt âm thi tập là bộ thi tuyển chữ Hán đầu tiên và là bộ thi tuyển mang tầm cỡ quốc gia của Đại Việt. Bộ thi tuyển đã được biên soạn trong một thời gian khá dài (gần 30 năm) bởi một tập thể trí thức lớn của triều đình. Không chỉ mang ý nghĩa tập hợp một khối lượng lớn thơ ca chữ Hán của nước nhà tính đến thời điểm đầu thế kỷ XV, những thành viên biên tập đã xác lập những định hướng cho nền thi học Đại Việt đương thời. Bên cạnh những yếu tố mang tinh thần bản quốc, việc tiếp nhận thi học Nho gia như những nước thuộc vùng ảnh hưởng văn hóa Hán là một xu hướng tất yếu. Thi học Nho gia đã được các đồng biên soạn tiếp nhận trên cả phương diện tư tưởng và nghệ thuật, nó đã trở thành cơ sở tham chiếu trong sự chế ước của các giá trị đương thời và khu vực. Cũng có thể coi, sự tiếp nhận thi học Nho gia là chỉ số khiến cho Việt âm thi tập đáp ứng được yêu cầu về thi học chữ Hán nói chung của khu vực.

### CHÚ THÍCH

<sup>1</sup> Phan Phu Tiên潘夫先(? - ?), tự là Tín Thần, hiệu Mặc Hiên, người làng Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, nay thuộc thành phố Hà Nội. Ông đỗ Thái học sinh năm Quang Hưng thứ 7 (1396) đời vua Trần Thuận Tông. Năm Thuận Thiên thứ 2 (1429). Triều vua Lê Thái Tổ, ông lại đỗ khoa Minh kinh bác sĩ, được bổ làm Đông tu sử ở Quốc sử viện. Thời gian này ông biên soạn Việt âm thi tập, ít lâu sau được bổ làm An phủ sứ phủ Thiên Trường, nay thuộc huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định. Năm Diên Ninh thứ 2 (1455), vua Lê Nhân Tông giao cho ông soạn Sử ký tục biên chép việc từ đời Trần Thái Tông đến khi quân Minh thua trận về nước. [2, tr.29]

<sup>2</sup> Chu Xa朱車(? - ?), tự Khí Phủ, người huyện Yên Phú, nay là huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đỗ tiến sĩ khoa Quý Sửu niên hiệu Thuận Thiên thứ 6 (1433) đời vua Lê Thái Tổ. Năm Thái Hòa thứ 10 (1452) đời Lê Nhân Tông, ông được cử làm phó sử sang Trung Quốc, làm quan đến chức Thị ngự sử. [2, tr. 30]

<sup>3</sup> Nguyễn Tấn阮晉 tức Lý Tử Tấn (1378 - ?), nguyên họ Lý, vì đời Trần những ai gốc họ Lý đều phải đổi sang họ Nguyễn, tự Tử Tấn, về sau lấy Tử Tấn làm tên, đặt hiệu là Chuyết Am, người làng Triều Lật, huyện Thượng Phúc, nay thuộc Thường Tín, Hà Nội. Ông đỗ Thái học sinh (tiến sĩ) năm 1400, sau ông theo giúp nghĩa quân Lê Lợi. Sau kháng Minh thành công, ông làm quan triều Lê trải ba đời vua Thái Tổ, Thái Tông, Nhân Tông (đời vua Nhân Tông, ông giữ chức Hàn lâm viện học sĩ ở điện Kinh Diên), được trí sĩ năm Thái Hòa thứ 7 (1449). Ông là bậc đại nho, thơ văn thắm đượm lòng yêu nước, tự hào dân tộc. [2, tr.29 – 30]

<sup>4</sup> Thi học Nho gia: Theo Trần Chiêu Anh: “Thi học Nho gia từ thời Khổng Tử, Mạnh Tử, Tuân Tử cho đến Thi đại tự, đã đưa ra được nhiều kiến giải quý giá về Thi kinh, xác lập được một quy mô và chú ý nhất định. Sau đó từ lời “Tựa” sách Thi phổ 詩譜 của Trịnh Huyền 鄭玄, Văn tâm điều long 文心雕龍 của Lưu Hiệp 劉勰, lời “Tựa” sách Thi tập truyện 詩集傳 của Chu Hi, cùng rất nhiều những kiến giải thi học Nho gia khác trong các tác phẩm thi thoại từ thời Tống Nguyên trở về sau, vô hình trung đã hình thành được một truyền thống thi học của Nho gia.” [1, tr. 289]

<sup>5</sup> “Tục thái 續采”: chữ dùng của Chu Xa, nói về công việc tiếp tục lựa chọn thơ biên soạn Việt âm thi tập.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Chiêu Anh (2011), Nho học Đại Loan khởi nguồn phát triển và chuyển hóa (Nguyễn Phúc Anh dịch), Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
2. Trần Văn Giáp (1990), Tìm hiểu kho sách Hán Nôm, tập 2, Nxb. KHXH, Hà Nội.
3. Phan Phu Tiên, Chu Xa, Nguyễn Tấn (1729), Việt âm thi tập 越音詩集, kí hiệu A.1925, lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
4. Phó Tuyên Tông, Hứa Dật Dân, Vương Học Thái, Đồng Nãi Bân, Ngô Tiểu Lâm (1999), Trung Quốc thi học đại từ điển 中国诗学大辞典, Nxb. Giáo dục Chiết Giang, Chiết Giang.